

## THÔNG BÁO

### Về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH ngày 17/11/2016;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng ngân sách công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng ngân sách công;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 2213/QĐ-BYT ngày 26/7/2024 của Bộ Y tế về việc thanh lý tài sản cố định của Bệnh viện Nhi Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 2729/QĐ-BVNTW ngày 09/8/2024 của Bệnh viện Nhi Trung ương về việc phê duyệt danh sách tài sản cố định thanh lý năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3214/QĐ-BVNTW ngày 25/9/2024 của Bệnh viện Nhi trung ương về việc phê duyệt mức giá khởi điểm bán thanh lý tài sản cố định máy móc thiết bị chuyên dùng năm 2024.

Bệnh viện Nhi Trung ương thông báo lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản, cụ thể như sau:

#### 1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản bán đấu giá

- Bệnh viện Nhi Trung ương
- Địa chỉ: Số 18/879 La Thành, P.Láng Thượng, Q. Đống Đa, TP Hà Nội
- Điện thoại: (024) 62738886

#### 2. Tài sản bán đấu giá

##### 2.1. Danh mục tài sản đấu giá bao gồm

- 25 tài sản là máy móc, thiết bị chuyên dùng do Bệnh viện Nhi Trung ương quản lý (Danh mục tài sản theo Quyết định số 2213/QĐ-BYT ngày 26/7/2024 của Bộ Y tế về việc thanh lý tài sản cố định của Bệnh viện Nhi trung ương);

- 44 tài sản máy móc thiết bị chuyên dùng do Bệnh viện Nhi Trung ương quản lý (Danh mục tài sản theo Quyết định số 2729/QĐ-BVNTW ngày 09/8/2024 của Giám đốc Bệnh viện Nhi Trung về việc phê duyệt danh sách tài sản cố định thanh lý năm 2024).

## **2.2. Mô tả tài sản bán đấu giá**

Mô tả chi tiết tài sản bán đấu giá được thể hiện tại Chứng thư thẩm định giá số 171/2024/0905/CT-VALUHN ngày 06/9/2024 do Công ty Cổ phần Dịch vụ tư vấn Thẩm định giá Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội phát hành.

## **2.3. Giá khởi điểm lô tài sản bán đấu giá**

- Giá khởi điểm lô tài sản thanh lý: 16.535.000 đồng (Bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm ba mươi năm ngàn đồng);

- Giá khởi điểm không bao gồm thuế GTGT không bao gồm các chi phí và lệ phí phát sinh khác. Mọi chi phí liên quan đến việc vận chuyển, di dời, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, các loại thuế, phí khác (nếu có) do khách hàng trúng đấu giá chịu;

- Bước giá tài sản bán đấu giá: 500.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm ngàn đồng)

## **2.4. Nguồn gốc tài sản bán đấu giá**

Là tài sản công - tài sản thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Bệnh viện Nhi Trung ương được giao quản lý, sử dụng tài sản công và được phép thanh lý theo Quyết định số 2213/QĐ-BYT ngày 26/7/2024 của Bộ Y tế và Quyết định số 2729/QĐ-BVNTW ngày 09/8/2024 của Giám đốc Bệnh viện Nhi Trung ương tuân thủ quy định của pháp luật.

## **3. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản:**

**3.1 Hồ sơ pháp lý:** Tổ chức đấu giá tài sản được cấp giấy phép hoạt động đúng ngành theo quy định pháp luật.

**3.2 Có cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết** theo quy định của pháp luật đảm bảo phù hợp cho việc bán đấu giá loại tài sản nêu trên (Trụ sở, địa điểm đấu giá có địa chỉ rõ ràng kèm thông tin liên hệ; máy móc, thiết bị, hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ, nơi tổ chức đấu giá, lưu trữ hồ sơ theo quy định). Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện.

## **3.3 Có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả, đúng yêu cầu:**

Phương án đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan. Phương án đấu giá đề xuất rõ thời gian, địa

điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, có tính khả thi và hiệu quả cao.

### **3.4 Về thù lao dịch vụ đấu giá:**

Chi phí đấu giá tài sản phù hợp theo quy định tại Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản, Thông tư 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản và Thông tư 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

**3.5 Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản** do Bộ Tư pháp công bố.

### **4. Phương pháp đánh giá để lựa chọn Tổ chức đấu giá:**

4.1. Việc đánh giá dựa trên bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản tại Mục 3 và các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, trường hợp có từ 02 tổ chức đấu giá tài sản trở lên có cùng tổng điểm cao nhất bằng nhau thì Bệnh viện Nhi Trung ương sẽ xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó.

*Chi tiết tại phụ lục 1: Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản Kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp.*

4.2. Trường hợp đến hết ngày nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn mà chỉ có một tổ chức đấu giá tài sản đăng ký thì Bệnh viện Nhi Trung ương xem xét quyết định lựa chọn tổ chức đó nếu đáp ứng quy định của Luật Đấu giá tài sản, Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp và các quy định pháp luật có liên quan.

### **5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:**

- Thời gian nộp hồ sơ: Trong giờ hành chính, từ ngày 07/10/2024 đến ngày 09/10/2024

- Địa điểm nộp hồ sơ: Bộ phận Văn thư Bệnh viện - Tầng 3 Nhà A (Nhà 15 tầng) Bệnh viện Nhi Trung ương. Địa chỉ: Số 18/879 La Thành, P.Láng Thượng, Q. Đống Đa, TP Hà Nội.

- Liên lạc: Ông Bùi Anh Tuấn - Điện thoại: (024) 62738886

### **6. Thành phần hồ sơ đăng ký gồm có:**

- Hồ sơ pháp lý doanh nghiệp (Bản sao công chứng).

- Phương án tổ chức bán đấu giá khả thi, hiệu quả.

- + Hồ sơ năng lực của đơn vị.
- + Bảng báo giá thù lao dịch vụ đấu giá và chi phí đấu giá tài sản.

**Lưu ý:**

- Cán bộ/ nhân viên đến nộp hồ sơ phải mang theo Căn cước công dân và Giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị;

- Hồ sơ của các đơn vị đã nộp không được hoàn trả trong mọi trường hợp;

- Nếu không nhận được Thông báo tức là hồ sơ không được lựa chọn;

- Thông báo được đăng tải rộng rãi trên Trang thông tin điện tử Bệnh viện Nhi Trung ương và Cổng thông tin đấu giá quốc gia của Bộ Tư pháp.

Bệnh viện Nhi Trung ương trân trọng thông báo! ✕

**Nơi nhận:**

- Giám đốc Bệnh viện;
- Các tổ chức đấu giá;
- Lưu VT, HCQT, TCKT. (02)

GIÁM ĐỐC *Hải*  
K/T GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
BỆNH VIỆN  
NHI  
TRUNG ƯƠNG  
*Hải*  
Trịnh Ngọc Hải

## GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐỀ ĐẦU GIÁ TÀI SẢN THANH LÝ

(Ban hành kèm theo Thông báo số 339/TB-BVNTW ngày 07/10/2024)

TT	Tên tài sản	Dvt	Số lượng	Mức giá khởi điểm (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Dàn elisa tự động; Hãng sản xuất Delta Biologicals;	Dàn	1	325,000	325,000
2	Hệ thống phân tích biểu hiện gen-Genetic Analyz	Chiếc	1	325,000	325,000
3	Máy đo áp lực nội sọ đa thông số	Chiếc	1	250,000	250,000
4	Máy hướng dẫn hình ảnh trong phẫu thuật thần kinh Stryker	Chiếc	1	225,000	225,000
5	Máy làm mát não Olympic Cool-Cap	Chiếc	1	225,000	225,000
6	Máy siêu âm màu ENVISOR CH	Chiếc	1	325,000	325,000
7	Máy siêu âm màu HD11XE	Chiếc	1	335,000	335,000
8	Máy siêu âm màu HD11XE;	Chiếc	1	350,000	350,000
9	Máy thở 8000plus	Chiếc	1	300,000	300,000
10	Máy thở calliope Alpha	Chiếc	1	250,000	250,000
11	Máy thở calliope Alpha	Chiếc	1	250,000	250,000
12	Máy thở cao tần 3100A	Chiếc	1	200,000	200,000
13	Máy thở cao tần HFO-R100	Chiếc	1	200,000	200,000
14	Máy thở cao tần R100	Chiếc	1	250,000	250,000
15	Máy thở e360	Chiếc	1	250,000	250,000
16	Máy thở e360	Chiếc	1	250,000	250,000
17	Máy thở e360	Chiếc	1	250,000	250,000
18	Máy thở e360	Chiếc	1	250,000	250,000
19	Máy thở e360	Chiếc	1	250,000	250,000
20	Máy thở evita 4	Chiếc	1	250,000	250,000
21	Máy thở Metran R100	Chiếc	1	250,000	250,000
22	Máy thở Pb840	Chiếc	1	250,000	250,000
23	Máy thở Pb840	Chiếc	1	250,000	250,000
24	Máy XQ tổng hợp, cao tần, số hóa;	Chiếc	1	250,000	250,000

25	Monitor theo dõi chức năng trong não	Chiếc	1	250,000	250,000
26	Bàn mổ MOT-5801W	Chiếc	1	350,000	350,000
27	Cân giường	Chiếc	1	350,000	350,000
28	Lồng ấp	Chiếc	1	175,000	175,000
29	Máy điện não (Cơ) vi tính Nihon Kohden MEB9400K	Chiếc	1	300,000	300,000
30	Máy ly tâm lạnh Mistral6000	Chiếc	1	200,000	200,000
31	Máy PCR 9700	Chiếc	1	200,000	200,000
32	Máy thở di động E150	Chiếc	2	200,000	400,000
33	Máy thở E150	Chiếc	1	250,000	250,000
34	Máy thở E150	Chiếc	1	250,000	250,000
35	Máy thở E150	Chiếc	2	250,000	500,000
36	Máy thở E150	Chiếc	2	200,000	400,000
37	Máy thở e360	Chiếc	2	200,000	400,000
38	Máy thở E360	Chiếc	1	200,000	200,000
39	Máy thở E360	Chiếc	2	250,000	500,000
40	Máy thở Engstrom Carestation	Chiếc	14	200,000	2,800,000
41	Máy thở Engstrom Carestation	Chiếc	1	200,000	200,000
42	Máy thở Evita 4	Chiếc	1	200,000	200,000
43	Máy thở Newport E150	Chiếc	2	200,000	400,000
44	Máy thở Vella	Chiếc	3	200,000	600,000
45	Monitor	Chiếc	1	150,000	150,000
46	Monitor theo dõi bệnh nhân	Chiếc	1	150,000	150,000
47	Monitor trung tâm	Chiếc	1	150,000	150,000
48	Tủ lạnh sâu -80 độ	Chiếc	1	850,000	850,000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>69</b>		<b>16,535,000</b>

**BẢNG CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ LỰA CHỌN ĐƠN VỊ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**  
(Chấm điểm các tiêu chí theo Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư Pháp)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khâ thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khâ thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giã	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0

1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5	6,0
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2,0
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)	18,0
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5	
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
2.5	Từ 100% trở lên	18,0
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)	5,0
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản	3,0
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)	4,0



	<i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</i>	
5.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	2,0
5.2	<i>Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	3,0
5.3	<i>Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	4,0
6	<i>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng</i>	5,0
	<i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4</i>	
6.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	2,0
6.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	3,0
6.3	<i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i>	4,0
6.4	<i>Từ 200 triệu đồng trở lên</i>	5,0
7	<i>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động</i>	3,0
	<i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2</i>	
7.1	<i>Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)</i>	2,0
7.2	<i>Từ 03 nhân viên trở lên</i>	3,0
8	<i>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</i>	1,0
IV	<b>Thủ lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp</b>	5,0
	<i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</i>	
1	<i>Bằng mức thủ lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i>	3,0
2	<i>Giảm dưới 20% mức tối đa thủ lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thủ lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	4,0
3	<i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thủ lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thủ lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	5,0
4	<i>Mức phí chào dịch vụ của tổ chức đấu giá</i>	
V	<b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>	5,0
<b>Tổng số điểm</b>		<b>100</b>
VI	<b>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>	
1	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Đủ điều kiện</i>
2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Không đủ điều kiện</i>

